

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 1.1. Tổ chức, mặt bằng công trường: Mặt bằng công trường (nhà điều hành; lán trại; bãi gia công cấu kiện; kho bãi vật liệu, chất thải; rào chắn); Công tác cấp nguồn điện, nước. | Có thuyết minh và bản vẽ thể hiện mặt bằng bố trí công trường phù hợp với tổ chức thi công gói thầu (bao gồm: nhà điều hành; lán trại; bãi gia công cấu kiện; kho bãi vật liệu, chất thải; rào chắn); cấp nguồn điện, nước. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| 1.2. Giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết cho các hạng mục | Có đề xuất giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết cho đầy đủ các hạng mục cụ thể của gói thầu đảm bảo phù hợp với quy định kỹ thuật của dự án, thiết kế được duyệt. | Đạt |
| | Không đáp ứng tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 02 tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2 được đánh giá là Đạt. | Đạt |
| | Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được đánh giá là Không đạt. | Không đạt |

2. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--------------------------|--|------------|
| 2.1. Thời gian thi công. | Có đề xuất thời gian thực hiện gói thầu và đề xuất thời gian thực hiện gói thầu không vượt quá thời hạn thực hiện gói thầu ghi trong E-HSMT (Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành) có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |

| | | |
|---|---|------------------|
| | Không đáp ứng tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| 2.2. Biểu tiến độ thi công, gồm: (1) Biểu tiến độ thi công chi tiết từng hạng mục công (2) Biểu đồ huy động nhân lực. (3) Biểu đồ huy động thiết bị. | 1. Có Biểu tiến độ thi công chi tiết, đầy đủ có các công tác tương ứng với các mũi thi công, gồm các công tác sau: Chuẩn bị mặt bằng thi công; công tác thi công các hạng mục chính của công trình như được liệt kê; công tác hoàn thiện công trình. Biểu tiến độ thi công phải hợp lý, khả thi và phù hợp với kế hoạch, biện pháp thi công và tiến độ mà nhà thầu đề xuất. 2. Có Biểu đồ huy động nhân lực đầy đủ, hợp lý và phù hợp với kế hoạch, biện pháp thi công và tiến độ mà nhà thầu đề xuất. 3. Có Biểu đồ huy động thiết bị đầy đủ, hợp lý và phù hợp với kế hoạch, biện pháp thi công và tiến độ mà nhà thầu đề xuất. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 2.1 và 2.2 được đánh giá là Đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được đánh giá là Không đạt. | Không đạt |

3. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------|
| 3.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào để phục vụ thi công: xi măng, đá các loại, cát, thép, cửa, thiết bị vật tư điện nước, sơn các loại | 1. Có sơ đồ và thuyết minh quy trình quản lý chất lượng vật tư, vật liệu đầu vào và đảm bảo hợp lý, khả thi để phục vụ thi công. 2. Có nêu biện pháp kiểm soát chất lượng, biện pháp bảo quản vật liệu và hỗn hợp vật liệu đầu vào khi đưa đến công trình và trước khi sử dụng đối với các vật tư, vật liệu, hỗn hợp đặc thù gồm: xi măng, đá các loại, cát, thép, cửa, thiết bị vật tư điện nước, sơn các loại; biện pháp được nêu phải phù hợp với hồ sơ thiết kế được duyệt, quy định kỹ thuật của dự án, tiến độ công trình. | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| 3.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công đối với các hạng mục công trình | 1. Có nêu đầy đủ cách thức và biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công đối với các hạng mục công trình (như thí nghiệm vật liệu đầu vào và các thí nghiệm khác theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) đối với các hạng mục công trình như được liệt kê; cách thức và biện pháp được nêu phải khả thi, phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật của gói thầu. 2. Nhà thầu phải có hoặc thuê phòng thí nghiệm (có hợp đồng nguyên tắc với bên cho thuê) chuyên ngành xây dựng đủ điều kiện năng lực (có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm) phù hợp biện pháp tổ chức thi công để đáp ứng tiến độ, chất lượng đối với các hạng mục công trình. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 3.1 và 3.2 được đánh giá là Đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được đánh giá là Không đạt. | Không đạt |

4. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---------------------------------|---|------------|
| 4.1. Biện pháp an toàn lao động | 1. Có Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, an toàn thiết bị thi công tại công trường xây dựng, bao gồm: Trang bị an toàn; Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, an toàn giao thông ra vào công trường, quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường, an toàn thiết bị thi công. 2. Biện pháp đề xuất phải đảm bảo hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|----------------------------|--|------------------|
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| 4.2. Phòng cháy, chữa cháy | 1. Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; 2. Có biện pháp phòng chống cháy nổ tại công trường xây dựng, gồm: Các quy định, quy phạm tiêu chuẩn; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ. 3. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy và biện pháp phòng chống cháy nổ đề xuất phải hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| 4.3. Vệ sinh môi trường | 1. Có kế hoạch và biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. 2. Có biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường, bao gồm các nội dung về: tiếng ồn, bụi và khói, rung, kiểm soát nước thải, kiểm soát đồ thải, vệ sinh. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2 và 4.3 được đánh giá là Đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được đánh giá là không đạt. | Không đạt |

5. Mức độ yêu cầu về bảo hành, bảo trì

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------------------------|---|------------------|
| 5.1. Bảo hành | - Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng (\geq) 12 tháng | Đạt |
| | - Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng thời gian bảo hành nhỏ hơn quy định tại mục trên. | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------------------------|--|------------------|
| 5.2. Kế hoạch bảo hành | - Có kế hoạch bảo hành công trình phù hợp với phạm vi và quy mô gói thầu | Đạt |
| | - Không có kế hoạch bảo hành công trình, hoặc kế hoạch bảo hành không phù hợp với phạm vi và quy mô gói thầu | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2 được đánh giá là Đạt | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được đánh giá là không đạt | Không đạt |

6. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 6.1. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu, trong 03 năm gần đây (tính từ ngày 01/01/2022) | Nhà thầu không bị đánh giá về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, cụ thể: a) Tiến độ thực hiện hợp đồng; b) Chất lượng công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan; c) Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do; d) Các thông tin khác. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được đánh giá là Đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là Không đạt. | Không đạt |

7. Các yếu tố cần thiết khác:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------|
| 7.1. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về vật | 1. Có bảng kê danh sách vật tư, vật liệu chủ yếu sử dụng thi công gói thầu như được liệt kê yêu cầu, trong đó nêu rõ: Nhà sản xuất, đơn vị nguồn cung | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| liệu đối với các vật tư, vật liệu chính được liệt kê, gồm: xi măng, đá các loại, cát, thép, cửa, thiết bị vật tư điện nước, sơn các loại | cấp, có kèm theo các tài liệu sau: Có hợp đồng nguyên tắc từ Nhà sản xuất/Nhà cung cấp vật liệu đạt yêu cầu. Hợp đồng nguyên tắc phải ghi rõ tên công trình, có đóng dấu giáp lai của Nhà sản xuất/Nhà cung cấp vật liệu trong trường hợp các tài liệu này có từ 2 tờ trở lên. | |
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| 7.2. Cam kết về “thi công đảm bảo ATLD, thực hiện đầy đủ biện pháp đảm bảo ATGT, VSMT theo đúng quy định trong quá trình thực hiện hợp đồng” | <p>1. HSDT có đính kèm cam kết được ký đóng dấu bởi nhà thầu;</p> <p>2. Nội dung cam kết về “thi công đảm bảo ATLD, thực hiện đầy đủ biện pháp đảm bảo ATGT, VSMT theo đúng quy định trong quá trình thực hiện hợp đồng”.</p> <p>3. Nội dung cam kết về thực hiện đầy đủ biện pháp bảo hộ lao động (giày, mũ, dây an toàn..); công nhân và cán bộ thi công tại công trường phải mặc đồng phục có tên hoặc logo của nhà thầu.</p> | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các tiêu chí Đạt nêu trên. | Không đạt |
| Kết luận | - Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 7.1, 7.2 được đánh giá là Đạt. | Đạt |
| | - Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là Không đạt | Không đạt |